

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án (bổ sung) năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA X, KỶ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Xét Tờ trình số 131/TTr-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án (bổ sung) năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số 156/BC-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 08 công trình, dự án (bổ sung) năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn với tổng diện tích **24,719 ha**, đối tượng là rừng trồng thuộc quy hoạch rừng sản xuất và rừng trồng ngoài quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 01 tháng 8 năm 2023./.

Nơi nhận: *TL*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPCP, VPCTN;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT. Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT. Huyện (*thành*) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT. *DH*

CHỦ TỊCH



Phương Thị Thanh

**PHỤ LỤC: TỔNG HỢP VỊ TRÍ, DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC
CỦA CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

TT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Loại rừng						Tổng diện tích rừng chuyển đổi (ha)
			Rừng phòng hộ		Rừng sản xuất		Ngoài quy hoạch 3 loại rừng		
			Diện tích (ha)	Vị trí rừng chuyển mục đích sử dụng rừng	Diện tích (ha)	Vị trí rừng chuyển mục đích sử dụng rừng	Diện tích (ha)	Vị trí rừng chuyển mục đích sử dụng rừng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=(4+6+8)
1	Công trình Sửa chữa đột xuất khắc phục hư hỏng kè ta luy âm tại Km149+620 QL.3B, tỉnh Bắc Kạn	Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Kạn (đại diện chủ đầu tư: Ban quản lý, bảo trì công trình đường bộ Bắc Kạn)			0,069	Gồm 01 lô hiện trạng (5) thuộc lô số 2, khoảnh 8, tiểu khu 388, xã Quang Thuận, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.			0,069
2	Công trình Sửa chữa, cải tạo điểm mắt an toàn giao thông tại Km46+700, Quốc lộ.3C, tỉnh Bắc Kạn				0,26	Gồm 03 lô hiện trạng (2, 3, 5) thuộc các lô số 69, 72, 73, khoảnh 9, tiểu khu 322, xã Nghĩa Tá, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.			0,26
3	Công trình Sửa chữa, cải tạo các điểm mắt an toàn giao thông đoạn Km254+150 - Km254+400; Km267+300 - Km267+900; Km270+00 - Km270+800 QL.279				0,55	Gồm 04 lô hiện trạng (2, 7, 8, 9) thuộc các lô số 59, khoảnh 3; lô số 77B, 81, khoảnh 8, tiểu khu 165, xã Kim Hỷ, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.			0,55

TT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Loại rừng						Tổng diện tích rừng chuyển đổi (ha)
			Rừng phòng hộ		Rừng sản xuất		Ngoài quy hoạch 3 loại rừng		
			Diện tích (ha)	Vị trí rừng chuyển mục đích sử dụng rừng	Diện tích (ha)	Vị trí rừng chuyển mục đích sử dụng rừng	Diện tích (ha)	Vị trí rừng chuyển mục đích sử dụng rừng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=(4+6+8)
4	Dự án xây dựng sân vận động tỉnh và các hạng mục phụ trợ	Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn (đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Bắc Kạn)			11,50	- Gồm: 01 lô hiện trạng (1) thuộc lô số 236, khoảnh 7 và 30 lô hiện trạng (1, 4, 5, 8, 9, 12, 13, 14, 17, 19, 21, 24, 28, 30, 31, 32, 33, 34, 36, 38, 42, 45, 48, 49, 50, 62, 67, 71, 73, 75) thuộc các lô số 5, 9, 10, 12, 13, 15, 17, 18, 19, 26, 27, 29, 34, 38, 56, khoảnh 9, tiểu khu 335, phường Huyện Tụng, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.	0,29	- Gồm 03 lô hiện trạng (29, 61, 74) thuộc khoảnh 9, tiểu khu 335, phường Huyện Tụng, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. - Gồm 02 lô hiện trạng (1, 5) thuộc khoảnh 1, tiểu khu 337a, phường Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.	11,79
5	Dự án Trường Mầm non Nhạn Môn, huyện Pác Nặm	Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm (đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Pác Nặm)			0,22	- Gồm 01 lô hiện trạng (5) thuộc lô số 2b, 6aa, khoảnh 1, tiểu khu 14, xã Nhạn Môn, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.			0,22

TT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Loại rừng						Tổng diện tích rừng chuyển đổi (ha)
			Rừng phòng hộ		Rừng sản xuất		Ngoài quy hoạch 3 loại rừng		
			Diện tích (ha)	Vị trí rừng chuyển mục đích sử dụng rừng	Diện tích (ha)	Vị trí rừng chuyển mục đích sử dụng rừng	Diện tích (ha)	Vị trí rừng chuyển mục đích sử dụng rừng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=(4+6+8)
6	Công trình Trường Tiểu học Thuận Mang, huyện Ngân Sơn	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bắc Kạn			0,41	- Gồm 02 lô hiện trạng (1, 2) thuộc lô số 14, 16, 17, khoảnh 7, tiểu khu 151, xã Thuận Mang, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.	0,05	- Gồm 01 lô hiện trạng (3) thuộc khoảnh 7, tiểu khu 151, xã Thuận Mang, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.	0,46
7	Dự án Thủy điện Khuổi Thốc	Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Bắc Kạn			2,14	- Gồm 12 lô hiện trạng (1, 2, 3, 4, 5, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 17) thuộc các lô số 5, 7, 11, 12, 15, 18, 23, 28, 36, 52, 68, khoảnh 8, tiểu khu 364, xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.	0,33	- Gồm 05 lô hiện trạng (6, 7, 8, 10, 11), thuộc khoảnh 8, tiểu khu 364, xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.	2,47
8	Dự án đường vào hồ Nặm Cắt, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn (đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Bắc Kạn)	0,49	- Gồm 06 lô hiện trạng (1, 4, 6, 7, 8, 10), thuộc các lô số 34, 46, 48, 57, 62 khoảnh 4, tiểu khu 336, xã Dương Quang, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.	8,02	- Gồm 12 lô hiện trạng (2, 5, 20, 31, 34, 35, 39, 40, 48, 49, 50, 54) thuộc các lô số 12, 28, 29, 31, 41, 47, 48, 59, 65, 68, 75, 87, 98, 132 khoảnh 5 và 14 lô hiện trạng (3, 4, 7, 8, 11, 12, 15, 19, 20, 29, 31, 33, 34, 38) thuộc các lô số 12, 13, 60, 62, 63, 66, 68, 69, 73, 114, 115,	0,39	- Gồm 03 lô hiện trạng (8, 26, 30) thuộc khoảnh 9, tiểu khu 335, phường Huyền Tung thành phố Bắc Kạn. - Gồm 01 lô hiện trạng (4) thuộc khoảnh 1, tiểu khu	8,90

TT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Loại rừng						Tổng diện tích rừng chuyên đổi (ha)
			Rừng phòng hộ		Rừng sản xuất		Ngoài quy hoạch 3 loại rừng		
			Diện tích (ha)	Vị trí rừng chuyên mục đích sử dụng rừng	Diện tích (ha)	Vị trí rừng chuyển mục đích sử dụng rừng	Diện tích (ha)	Vị trí rừng chuyển mục đích sử dụng rừng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=(4+6+8)
						117, 121, 124 khoảnh 6, tiểu khu 336A, xã Dương Quang, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. - Gồm 06 lô hiện trạng (2, 3, 9, 12, 14, 17) thuộc lô số 82 khoảnh 8 và 14 lô hiện trạng (10, 12, 13, 14, 15, 22, 23, 25, 34, 38, 40, 45, 48, 49) thuộc các lô số 12, 13, 15, 92, 102, 109, 114, 128, 133, 133, 136, 139, 144, 149, 151 khoảnh 9, tiểu khu 335 phường Huyện Tụng thành phố Bắc Kạn.		337A, phường Nguyễn Minh Khai, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.	
Tổng cộng			0,49		23,169		1,06		24,719

Ghi chú:

- Các lô hiện trạng (1, 2): Là số lô hiện trạng rừng theo Bản đồ hiện trạng rừng của dự án do chủ đầu tư lập.
- Các lô 1,2,3, khoảnh 1, tiểu khu 123: Là số lô, khoảnh, tiểu khu theo Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bắc Kạn được phê duyệt tại Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn.